

GIÁ CẢ VÀ

N

HỮNG BIỆN PHÁP ỔN ĐỊNH GIÁ CẢ

ĐINH SƠN HÙNG - NGUYỄN THƯỢNG MỊN

I

GIÁ CẢ NĂM 1992

Năm 1992 giá cả thị trường nước ta tương đối ổn định, mức tăng chung cả năm là 17,49%, thấp hơn so với mức Quốc hội đề ra đầu năm (30-40%).

Cụ thể giá các nhóm hàng chính như sau:

- *Giá vàng và ngoại tệ:* Đây là giá chi phối giá đầu vào nhập khẩu vật tư và hiệu quả xuất - nhập khẩu.

Nhờ sự can thiệp tích cực của Nhà nước vào thị trường vàng, USD, kết hợp với chấn chỉnh lưu thông tiền tệ nên các cơn sốt vàng-USD kéo dài nửa cuối năm 1991 đã được chặn đứng, đưa giá vàng-USD vào sự ổn định.

- *Giá hàng lương thực, thực phẩm:* Do cả nước được mùa nên giá lương thực liên tục giảm trong 10 tháng đầu năm, bình quân giảm 2,1%/tháng. Nhưng do Nhà nước chủ động can thiệp vào lúc giá giảm và mùa thu hoạch nên giá thóc nhìn chung tương đối ổn định.

- *Giá vật tư và hàng công nghiệp tiêu dùng không phải lương thực, thực phẩm:* Trong năm do tỷ giá hối đoái giảm, lượng nhập khẩu vì vậy tăng lên, nên đối với nhóm hàng hóa, vật tư nhập khẩu giá ổn định và giảm, nhiều mặt hàng giá giảm 15-20%, thậm chí 25-30%.

Đối với vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước, ngoài những hàng hóa Nhà nước chủ động điều chỉnh để tính đủ giá "đầu vào" như điện, chi phí vận tải, còn lại các mặt hàng khác giá giảm.

- *Giá dịch vụ tiêu dùng:* Do kết quả phát triển kinh tế nên thu nhập của một bộ phận dân cư tăng và tăng lượng khách nước ngoài du lịch vào nước ta nên bình quân giá dịch vụ tăng 3%/tháng. Có thể rút ra những nguyên

nhân cơ bản đưa đến thành công trong công tác quản lý giá cả như sau:

1. Cùng với việc điều chỉnh một bước quan trọng giá vật tư nhập khẩu bán trong nước lên gần sát giá thị trường thế giới, cơ chế giá vật tư cũng thay đổi cơ bản theo hướng mở rộng quyền định giá và thay thế việc Nhà nước định giá chuẩn bằng định giá giới hạn tối đa vật tư nhập khẩu cho các doanh nghiệp.

2. Coi trọng công tác thông tin, phân tích và dự báo thị trường-giá cả nên sớm phát hiện các dấu hiệu đột biến giá, tăng lạm phát để phối hợp khá đồng bộ chính sách và biện pháp điều hành vĩ mô, làm hạn chế tốc độ tăng giá.

3. Sản xuất trong nước phát triển ổn định

Tuy vậy, công tác giá năm 1992 vẫn bộc lộ những thiếu sót, lúng túng trong việc điều tiết, quản lý giá ở tầm vĩ mô. Trong đó nổi bật là:

- Giữa quản lý giá và lưu thông tiền mặt chưa kết hợp tương tác chặt chẽ đồng bộ. Nói cụ thể hơn là lượng tiền cung ra trong lưu thông chưa phù hợp với số lượng hàng hóa sản xuất tăng lên trong những thời điểm nhất định. Vì vậy vào thời kỳ thu hoạch nông sản, nhất là khi bội thu, làm cho giá nông sản giảm xuống. Nếu tình trạng này vẫn tiếp diễn thì tất yếu sẽ đưa đến chỗ quy mô sản xuất và khối lượng nông sản giảm sút trong tương lai.

- Chính sách thuế, chính sách xuất nhập khẩu và quản lý thị trường chưa đồng bộ. Do đó có thời điểm hàng ngoại nhập tràn lan thị trường, làm ứ đọng hàng hóa sản xuất trong nước. Ngược lại, một số mặt hàng mà ta sản xuất trong nước chi phí cao, chất lượng thấp thì lại hạn chế hoặc cấm nhập khẩu, nên đã đẩy giá cả những mặt hàng này tăng vọt, gây thiệt hại cho những người tiêu dùng.

- Việc quản lý giá xây dựng cơ bản,

giá các tài nguyên, tài sản của Nhà nước chưa được chấn chỉnh, can thiệp bằng các biện pháp hữu hiệu kịp thời. Vì vậy giá cả một số mặt hàng như nhà, giá đất, giá vật liệu xây dựng biến động lớn và trong thời gian ngắn làm nảy sinh nhiều tiêu cực trong lĩnh vực này.

- Việc kiểm soát giá cả và cung ứng với một số sản phẩm và dịch vụ có quyền như bưu chính viễn thông quốc tế ở nhiều khách sạn, giá điện cho nông thôn... chưa chặt chẽ và có hiệu quả. Do vậy nảy sinh tình trạng lợi dụng quyền để lấy giá cao làm thiệt hại cho các ngành khác và người tiêu dùng.

II

NHỮNG BIỆN PHÁP ỔN ĐỊNH GIÁ TRONG THỜI GIAN TỚI

Giá cả tác động đến sản xuất tiêu dùng, vì vậy ổn định giá cả sẽ kích thích đầu tư, thúc đẩy sản xuất phát triển và nâng cao tiêu dùng thực tế, dân cư. Để ổn định giá cả phải thể hiện nhiều biện pháp, chính sách đi bộ trong mỗi giai đoạn. Ở đây chỉ phân tích một số đề xuất cơ bản:

1. Trong điều kiện nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường, trừ một vài sản phẩm mang tính độc quyền quan trọng, Nhà nước quy định chuẩn hoặc giá giới hạn, thì còn lại để cho giá cả hình thành trên cơ sở điều tiết của quan hệ cung-cầu. Chế độ hình thành giá cả trên cơ sở quan hệ cung-cầu là điều kiện chủ yếu để bảo ổn định giá cả một cách "tự nhiên". Tất nhiên ổn định ở đây phải hiểu theo nghĩa động chứ không phải theo nghĩa tĩnh, tức không phải là định. Nhưng hiểu ổn định theo nghĩa động cũng khác với biến động và biến.

2. Tăng cường các hoạt động

hi : DIỄM NGỌC



o thị trường-giá cả trong, ngoài nước
nâng cao hiệu lực của công tác
anh tra giá để can thiệp kịp thời,
ệu quả vào cung-cầu thông qua các
ng cụ, chính sách: tài chính, tiền tệ.
ững những công cụ, chính sách này
à nước tác động đến các nhân tố ảnh
hưởng đến cung-cầu và do đó tác động
n cung-cầu để điều tiết giá cả.
hững trong nền kinh tế có hàng ngàn
ặt hàng nên Nhà nước không cần
iết và cũng không thể tác động đến
ng-cầu của hết thảy mọi hàng hóa
ện có mà chỉ cần can thiệp, điều tiết
ng-cầu, giá cả những mặt hàng thiết
u của nền kinh tế, bao gồm thiết yếu
o xuất - nhập khẩu, sản xuất, tiêu
ng cá nhân. Theo chúng tôi đó là
ững mặt hàng sau:

- **Vàng và USD**: Giá vàng và USD
h hưởng trực tiếp đến sản lượng, giá
hàng hóa xuất - nhập khẩu. Đến lượt
ó, giá hàng xuất nhập này lại là cơ sở
h thành giá chi phí sản xuất và giá
àng tiêu dùng trong nước. Ở đây sự
c động có tính chất dây chuyền,
ong đó giá cả nhiều loại hàng hóa
ến động xoay quanh giá vàng và USD.
vậy ổn định được giá vàng và USD
là điều kiện quan trọng để ổn định
á cả nhiều loại hàng hóa khác.

- **Hàng lương thực, thực phẩm và
ng nghệ thiết yếu**: Vấn đề đặt ra là,
ứ nhất, xác định những mặt hàng
ng nghệ tiêu dùng nào là thiết yếu
ong giai đoạn hiện nay cũng như 5-10
ăm tới, để có biện pháp, chính sách
n định giá cả những mặt hàng đó theo
guyên tắc thỏa mãn tốt nhất nhu cầu
a dân cư. Thứ hai, tác động vào giá
àng nông sản là tác động cuộc sống,
n xuất của gần 80% dân số đất nước;
ic động vào địa bàn tạo ra nguồn hàng
óa cần thiết lớn lao cho xã hội và cả
àng xuất khẩu. Vì vậy sự can thiệp
op lý của nhà nước trong việc hình
ành giá nông phẩm là cần thiết để
ích thích phát triển sản xuất nông

ngiệp.

3. Dùng chính sách thuế linh hoạt
để kiểm soát cung, lợi nhuận của một
số ngành sản xuất kinh doanh có tính
chất độc quyền.

4. Hình thành và sử dụng có hiệu
quả "Quỹ bình ổn giá". Giá cả hàng
hóa, USD trên thị trường thế giới luôn
biến động, tất yếu kéo theo sự biến
động giá cả, sản lượng hàng xuất-nhập
khẩu của ta. Tình hình đó dẫn đến chỗ
tranh mua, tranh bán (hàng hóa, xuất
nhập khẩu, ngoại tệ) ở cả thị trường
trong nước lẫn thị trường quốc tế dễ
hưởng chênh lệch giá. Đây là nguyên
nhân chính gây nên đột biến giá cả,
làm rối loạn lưu thông hàng hóa và tiền
tệ, đình trệ sản xuất. Những tiêu cực
này lại không thể điều tiết ngay bằng
các sắc thuế gián thu, vì Nhà nước
không thể luôn luôn điều chỉnh thuế.
Còn thuế trực thu thì lại càng không
có tác dụng điều tiết kịp thời khi có
chênh lệch giá, nên nó không có tác
dụng làm ổn định giá cả thị trường
trong những trường hợp đã nêu. Để
khắc phục tình trạng này nhà nước cần
điều tiết một phần chênh lệch giữa giá
vốn xuất nhập khẩu và giá thị trường
trong nước và qua đó hình thành Quỹ
bình ổn giá. Như vậy *Quỹ bình ổn giá*
được lập bằng việc áp dụng một khoản
phụ thu và thu ngay khi có chênh lệch
giá phát sinh. Khoản phụ thu này có
tính chất như thuế lợi tức nhưng
phương pháp thu như thuế gián thu.
Nói cách khác, khi có chênh lệch giá
phát sinh giữa giá vốn xuất nhập khẩu
và giá cả thị trường trong nước, dẫn
đến sản xuất kinh doanh một số mặt
hàng thu được lợi nhuận siêu ngạch lớn
do chênh lệch giá thì những đơn vị sản
xuất kinh doanh này phải nộp một
phần lợi nhuận siêu ngạch đó và khoản
thu này hình thành nên Quỹ bình ổn
giá. Tỷ lệ khoản phụ thu sẽ tùy theo
mặt hàng và có thể thay đổi từng quý,
vụ, mùa, tùy thuộc vào lượng lợi nhuận

siêu ngạch thu được.

Khoản phụ thu này có tác dụng
hai mặt. Một mặt, hạn chế được tình
trạng tranh mua, tranh bán và buôn
bán vòng vèo để ăn chênh lệch giá. Mặt
khác, tạo ra nguồn vốn mà dựa vào đó
có thể tác động đến cung-cầu. Và cả hai
mặt này sẽ đảm bảo cho sự ổn định giá
cả Quỹ bình ổn giá được sử dụng trong
những trường hợp chính sau đây:

Thứ nhất, mua hàng dự trữ vào
thời vụ thu hoạch khi giá cả hàng hóa
thiết yếu xuống thấp và sẽ bán ra lúc
hàng bắt đầu khan hiếm, giá cả tăng.
Đây là cách thức tác động trực tiếp đến
cân bằng cung cầu và ổn định giá cả.

Thứ hai, hỗ trợ một phần lãi vay
ngân hàng cho các hoạt động sản xuất
kinh doanh vật tư hàng hóa quan trọng
để dự trữ lưu thông, đảm bảo cân bằng
cung-cầu, ổn định giá.

Thứ ba, chi trợ giá cho các doanh
ngiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh
những mặt hàng thiết yếu khi giá nhập
khẩu tăng hoặc giá thị trường trong
nước xuống quá thấp, làm sản xuất
kinh doanh bị lỗ.

Vấn đề cần lưu ý là, nguồn thu để
hình thành Quỹ bình ổn giá có hạn, do
vậy sử dụng Quỹ phải tính toán đến
hiệu quả kinh tế-xã hội và tập trung
vào các mặt hàng thiết yếu cho sản
xuất, tiêu dùng và xuất khẩu trong
những thời điểm cần thiết nhất định
chứ không phải là quay trở lại bao cấp.

Theo chúng tôi, nếu thực hiện
đồng bộ, có hiệu quả những vấn đề đã
nêu sẽ đảm bảo ổn định được giá cả và
nâng cao hiệu lực điều tiết giá cả của
nhà nước trong nền kinh tế thị trường
ở nước ta ♣

Tài liệu tham khảo:

- Ban vật giá chính phủ, *Báo cáo công
tác giá năm 1992 và phương hướng nhiệm vụ
công tác giá năm 1993*.

- Ban vật giá chính phủ, Đề án "Hình
thành và sử dụng Quỹ bình ổn giá".